UBND XÃ HÀ BẮC
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

Số: 22 /TB-TTPVHCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Bắc, ngày 02 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai mức thu phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chínhtại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hà Bắc, thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính p hủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 và Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố đối với việc thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND ngày 28/7/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định về lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 28/7/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố đối với việc thực hiện thủ tục hành chính qua hình thức trực tuyến trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định việc hỗ trợ phí chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực công chứng, chứng thực, quản tài viên và hộ tịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hà Bắc thông báo niêm yết công khai mức thu phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận Một cửa cấp xã để các tổ chức, cá nhân và Nhân dân trên địa bàn được biết, thuận tiện theo dõi và thực hiện (Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Thông báo này được niêm yết công khai tại bảng thông báo của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hà Bắc, Trang thông tin điện tử của xã và thông báo rộng rãi trên hệ thống đài truyền thanh cơ sở. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phản ánh về việc thu phí, lệ phí không đúng quy định, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh trực tiếp với lãnh đạo Trung tâm để kịp thời xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (để b/c);
- Văn phòng HĐND-UBND xã;
- Các thôn, đơn vị trên địa bàn xã;
- Niêm yết công khai tại Trung tâm;
- Lưu: VT, TTPVHCC.

GIÁM ĐỐC

U.B.N.D XÃ HÀ BẮC T.P HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

Nguyễn Hải Nam

PHỤ LỤC
BẢNG NIÊM YẾT CÔNG KHAI MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Thông báo số 22 /TB-TTPVHCC ngày 02/10/2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hà Bắc)

I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

STT	Tên thủ tục hành chính	Mức thu phí, lệ phí	Ghi chú / Miễn, giảm
1	Đăng ký khai sinh	Miễn phí (ĐKKS đúng hạn). Đăng ký khai sinh không đúng hạn: 8.000 đồng.	*Miễn lệ phí đối với trường hợp:* *- Người thuộc gia đình có công với cách mạng;* *- Người thuộc hộ nghèo;* *- Người khuyết tật.* *Miễn lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến (Đăng ký trực tuyến: 0 đồng).*
2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	75.000 đồng	
3	Đăng ký lại khai sinh	8.000 đồng/lần	
4	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	75.000 đồng	
5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	10.000 đồng	
6	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1.500.000 đồng	
7	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	- Miễn phí (ĐKKS đúng hạn). - 8.000 đồng (bao gồm: ĐKKS không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, ĐKKS cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân). - 10.000 đồng (đăng ký nhận cha, mẹ, con).	
8	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	- Nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng. - Đăng ký khai sinh: 75.000 đồng.	
9	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	8.000 đồng/lần	
10	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	75.000 đồng	
11	Đăng ký kết hôn	Miễn lệ phí	
12	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	1.500.000 đồng	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mức thu phí, lệ phí	Ghi chú / Miễn, giảm
13	Đăng ký lại kết hôn	30.000 đồng/lần	
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	1.500.000 đồng	
15	Đăng ký khai tử	Miễn phí (đúng hạn). 8.000 đồng/lần khai tử quá hạn.	
16	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	75.000 đồng	
17	Đăng ký lại khai tử	8.000 đồng/lần	
18	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	75.000 đồng	
19	Đăng ký giám hộ	Miễn lệ phí	
20	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	75.000 đồng	
21	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Miễn lệ phí	
22	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	75.000 đồng	
23	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Không quy định	
24	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Không quy định	
25	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	10.000 đồng/lần	
26	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	28.000 đồng	
27	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	75.000 đồng	
28	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	75.000 đồng	
29	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	75.000 đồng	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mức thu phí, lệ phí	Ghi chú / Miễn, giảm
30	Đăng ký khai sinh lưu động	Miễn phí (ĐKKS đúng hạn); 8.000 đồng đối với Đăng ký khai sinh không đúng hạn.	
31	Đăng ký kết hôn lưu động	Miễn lệ phí	
32	Đăng ký khai tử lưu động	Miễn phí (đúng hạn). Đăng ký khai tử quá hạn: 8.000 đồng.	
33	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	5.000 đồng	
34	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	8.000 đồng/bản	
35	Cấp bản sao trích lục hộ tịch, bản sao giấy khai sinh	8.000 đồng/bản	

II. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC

STT	Tên thủ tục hành chính	Mức thu phí, lệ phí	Ghi chú / Miễn, giảm
1	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	10.000 đồng/trường hợp	
2	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	50.000 đồng/văn bản	
3	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	50.000 đồng/giao dịch	
4	Chứng thực di chúc	50.000 đồng/di chúc	
5	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	50.000 đồng/văn bản	
6	Sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	30.000 đồng/giao dịch	
7	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	25.000 đồng/giao dịch	
8	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính giao dịch đã được chứng thực	2.000 đồng/trang. Từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản.	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mức thu phí, lệ phí	Ghi chú / Miễn, giảm
9	Chứng thực bản sao từ bản chính trong các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	2.000 đồng/trang. Từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang nhưng mức thu tối đa không quá 200.000 đồng/bản.	*Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính: Miễn lệ phí (0 đồng) theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND.*
10	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Không quy định	

III. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: **0 đồng/01 lần cấp** *(Áp dụng theo Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND ngày 28/7/2026 của HĐND thành phố Hải Phòng).*

IV. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (Đơn vị tính: Đồng)

STT	Tên thủ tục hành chính	Mức thu Phí			Mức thu Lệ phí		
		Đất	Tài sản	Đất và tài sản	Đất	Tài sản	Đất và tài sản
A. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nộp trực tiếp)							
1	**Đối với cá nhân**						
1.1	Cấp giấy chứng nhận lần đầu	100.000	100.000	155.000	35.000	35.000	35.000
1.2	Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận	100.000	100.000	115.000	25.000	25.000	30.000
1.3	Đăng ký biến động trên GCN đã cấp	125.000	155.000	170.000	25.000	25.000	30.000
2	**Đối với tổ chức**						
2.1	Cấp giấy chứng nhận lần đầu	215.000	215.000	215.000	40.000	40.000	45.000
2.2	Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận	155.000	155.000	175.000	30.000	30.000	35.000
2.3	Đăng ký biến động trên GCN đã cấp	290.000	290.000	355.000	30.000	30.000	35.000
B. Đăng ký giao dịch bảo đảm (Mức thu Phí đăng ký giao dịch bảo đảm)							
3	**Đối với cá nhân**						
3.1	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng QSDĐ, tài sản gắn liền với đất: - Hình thức trực tiếp - Hình thức trực tuyến	120.000 0	150.000 0	180.000 0	- -	- -	- -

STT	Tên thủ tục hành chính	Mức thu Phí			Mức thu Lệ phí		
		Đất	Tài sản	Đất và tài sản	Đất	Tài sản	Đất và tài sản
3.2	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng QSDĐ, tài sản gắn liền với đất: - Hình thức trực tiếp - Hình thức trực tuyến	120.0000	150.0000	180.0000	- -	- -	- -
3.3	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng QSDĐ, tài sản gắn liền với đất: - Hình thức trực tiếp - Hình thức trực tuyến	120.0000	145.0000	175.0000	- -	- -	- -
3.4	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là QSDĐ, tài sản gắn liền với đất: - Hình thức trực tiếp - Hình thức trực tuyến	120.0000	150.0000	185.0000	- -	- -	- -
3.5	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất: - Hình thức trực tiếp - Hình thức trực tuyến	150.0000	- -	- -	- -	- -	- -
4	**Đối với tổ chức**						
4.1	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng QSDĐ, tài sản gắn liền với đất: - Hình thức trực tiếp - Hình thức trực tuyến	280.0000	280.0000	350.0000	- -	- -	- -
4.2	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng QSDĐ, tài sản gắn liền với đất: - Hình thức trực tiếp - Hình thức trực tuyến	280.0000	280.0000	350.0000	- -	- -	- -
4.3	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng QSDĐ, tài sản gắn liền với đất: - Hình thức trực tiếp - Hình thức trực tuyến	280.0000	280.0000	350.0000	- -	- -	- -

STT	Tên thủ tục hành chính	Mức thu Phí			Mức thu Lệ phí		
		Đất	Tài sản	Đất và tài sản	Đất	Tài sản	Đất và tài sản
4.4	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là QSDĐ, tài sản gắn liền với đất: - Hình thức trực tiếp - Hình thức trực tuyến	265.0000	275.0000	350.0000	- -	- -	- -
4.5	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất: - Hình thức trực tiếp - Hình thức trực tuyến	280.0000	- -	- -	- -	- -	- -

Lưu ý chung: *Miễn lệ phí đối với thủ tục Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quy định của HĐND thành phố Hải Phòng khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua hình thức trực tuyến (0 đồng) theo Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND./.*